

Bản án số: 183/2017/DS-PT
Ngày: 18-8-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Biên-Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2016/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2016 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2015/DS-ST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Chị Khương Hồng T, sinh năm 1967 (có mặt)

Chị Khương Huyền L, sinh năm 1969

Chị Khương Kim H, sinh năm 1972

Người đại diện theo ủy quyền của chị L và chị H là chị Khương Hồng T, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.(Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Chị Khương Hồng T, Khương Huyền L và Khương Kim H: Bà Huỳnh Thị QH - Luật sư, Trưởng Chi nhánh Văn phòng luật sư BG thuộc Đoàn luật sư tỉnh ĐT; Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1948; Địa chỉ cư trú: khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Khương Hoàng Trung H1, sinh năm 1990

Chị Khương Hoàng Như N, sinh năm 1997

Chị Lương Ngọc Mai P, sinh năm 2007

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Mai P là chị Khương Hồng T, sinh năm 1967.

Người đại diện theo ủy quyền của Trung H1 và Như N là chị Khương Hồng T, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2017).

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1944 (có mặt)

Anh Nguyễn Hoàng C1, sinh năm 1968 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị Nhựt P1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: tổ E, khóm F, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân thành phố C.

Địa chỉ: đường L, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T- Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Khương Hồng T trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp của bà Trương Thị H2 đứng tên trước năm 1945. Vào khoảng năm 1950 bà Trương Thị H2 cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Trần Thị M quản lý sử dụng, ông H3 cho các hộ bà Trần Thị C, bà Phan

Kim H4, ông Trần Ngọc P2, ông Ngô Văn M1 thuê đất cất nhà ở. Trước năm 1975, ông H3 cho đất lại cho bà Nguyễn Thị L1 quản lý sử dụng.

Năm 2001, UBND thị xã Cao Lãnh cấp giấy đất cho bà L1 với diện tích 888m² đất, thửa số 315, tờ bản đồ số 09, loại đất lâu năm, đất tọa lạc ở tổ 8, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (tương ứng bản đồ lưới tọa độ thửa 652, tờ bản đồ số 7). Sau đó, bà L1 đã chuyển nhượng cho chị Khương Hồng T diện tích 200m² và hộ chị T được cấp giấy năm 2003, thửa số 1064, tờ bản đồ số 09. Khoảng năm 2003 hộ bà C lấn chiếm sử dụng trồng cây và làm hàng rào trên đất tranh chấp.

Bà L1 chết năm 2010, chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H là những người thừa kế của bà L1 yêu cầu bà C và những người liên quan ông D, anh C1 và chị P1 phải trả lại đất cho chị T, chị và chị H và hộ chị T diện tích là 287.5m², đo đạc thực tế là 267,1m² (trong đó diện tích 238,2m² thuộc thửa 315 cấp cho bà L1, tương ứng bản đồ lưới tọa độ thửa 652, tờ bản đồ số 7 và diện tích 28,9m² thuộc một phần thửa 1064 cấp cho hộ chị T, tờ bản đồ số 9)

Đối với phần cây trồng và vật kiến trúc có trên đất tranh chấp, chị T yêu cầu hộ bà C di dời và chị T không tự nguyện hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng cho hộ bà C.

- Bà Trần Thị C trình bày:

Phần đất tranh chấp không biết nguồn gốc của ai, nhưng gia đình bà C sử dụng phần đất này từ năm 1962 đến nay. Năm 1996, được sự vận động của phường 1, gia đình bà có trả thành quả lao động cho con bà L1 diện tích 250m², với giá bồi thường là 10.000 đồng/lm² và hộ bà C đã được cấp giấy đất đối với phần đất ở rồi. Đối với diện tích đất các nguyên đơn tranh chấp bà C đã sử dụng ổn định và có trồng cây trên đất từ năm 1980, hiện trạng đất khi bà sử dụng là đất trũng, cây cỏ mọc um tùm, sau đó bà đã khai phá và san lấp nên mới bằng phẳng như hiện nay. Việc UBND thành phố Cao Lãnh cấp đất cho bà L1 và hộ chị T là do cán bộ địa chính phường 1 là ông LU và ông KH đo đạc, xác định không đúng đối tượng, nên hộ bà C không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Phần đất này nguyên đơn không sử dụng từ năm 1962 đến nay. Nay C, ông D, anh C1, chị P1 yêu cầu hủy một phần giấy đất của bà L1 và hộ chị T đối với phần diện tích đất 267,1m². Trường hợp buộc hộ bà C phải trả đất cho các nguyên đơn thì hộ bà C không yêu cầu các nguyên đơn phải bồi thường tiền san lấp mặt bằng và cây trồng trên phần đất tranh chấp.

- Ông D và anh C1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà C, không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2015/DS-ST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H về việc yêu cầu bà C, ông D, anh C1 và chị P1 trả lại diện tích đất 238,2m² thuộc một phần thửa 315, tờ bản đồ số 09, tương ứng bản đồ lưới tọa độ thửa 652, tờ bản đồ số 7.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Khương Hồng T, Khương Huyền L, Khương Hoàng Trung H1 và Khương Hoàng Như N về việc yêu cầu bà C, ông D, anh C1 và chị P1 trả lại diện tích đất 28,9m² thuộc một phần thửa 1064 tờ bản đồ số 9.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 diện tích 238,2m² thuộc một phần thửa 315, tờ bản đồ số 09 và một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ chị Khương Hồng T đối với diện tích 28,9m² thuộc một phần thửa 1064, tờ bản đồ số 9.

- Buộc hộ bà C, ông D, anh C1 và chị P1 trả cho chị Khương Hồng T, Khương Huyền L và Khương Kim H diện tích 238,2m² thuộc một phần thửa 315, tờ bản đồ số 09, tương ứng bản đồ lưới tọa độ thửa 652, tờ bản đồ số 7 thể hiện ở các mốc C, M'', M, D'', E, F, H, B và trở về C; Loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại tổ 8, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 18/5/2015 của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố CL.

- Buộc hộ bà C, ông D, anh C1 và chị P1 trả cho hộ chị Khương Hồng T diện tích 28,9m² thuộc một phần thửa 1064 tờ bản đồ số 9, thể hiện ở các mốc M'', D, D'' và M. Loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại tổ 8, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 18/5/2015 của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh.

- Buộc bà C, ông D, anh C1 và chị P1 di dời các vật kiến trúc và cây trồng có trên phần đất tranh chấp để trả đất lại cho các nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà C, ông D, anh C1 và chị P1 liên đới chịu 3.205.000 đồng.

- Chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H được

nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 803.000 đồng theo biên lai số 025359 ngày 21/7/2014. Khương Hồng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 033860 ngày 08/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 450.000 đồng chị Khương Hồng T tự nguyện chịu (đã thu và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2016 bà C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Hủy một phần Quyết định của UBND thành phố C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị L1 và Quyết định cấp đất cho chị Khương Hồng T vì vi phạm pháp luật về quản lý đất đai.

- Diện tích đất đang tranh chấp 267,10m² chúng tôi trực tiếp quản lý sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay, nên không đồng ý di dời các vật kiến trúc có trên đất để trả lại cho các nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đất tranh chấp theo đo đạc là 238,2m² đất CLN thửa số 652, tờ số 7 của bà Lang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 29/11/2001 và 28,9m² đất CLN thuộc một phần thửa số 1064, tờ số 9 của chị Tâm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/5/2003. Đất hiện do hộ bị đơn là bà C đang sử dụng, trên đất có 01 nhà củi, 01 chuồng gà và nhiều cây ăn trái của hộ bà C, bà C xác định có 15 cây dừa trồng khoảng năm 1980, còn các cây khác trồng từ năm 2008 về sau này.

[2] Về nguồn gốc có đủ căn cứ xác định đất của phía gia đình bà L1, ngoài phần tranh chấp này bà L1 còn có nhiều diện tích đất khác liền kề xung quanh, có nhiều người khác sử dụng ở và trồng cây. Riêng hộ bà C thì có sử dụng 250m² đất ở (gần giáp ranh đất tranh chấp này), năm 1996 được UBND phường 1 vận động bà L1 chấp nhận nhận thành quả lao động đất, để đất cho hộ bà C1 sử dụng ở, hộ bà C1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong và ở ổn định đến nay. Phần đất tranh chấp hiện nay thì vào thời điểm

đó các bên không đề cập. Đến ngày 07/02/2001, bà L1 kê khai, đăng ký và đến ngày 29/11/2001 thì bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà L1 chuyển quyền cho hộ chị T 200m² giấy cấp ngày 07/5/2013, bà L1 chết ngày 04/02/2010, nay hộ chị T và các đồng thừa kế hàng thứ nhất của bà L1 đồng đứng đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Ủy ban nhân dân thành phố C xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất cho bà L1 và thủ tục tách chuyển 200m² cho chị T là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Sau khi được cấp giấy đất, do hộ gia đình bà L1 ở nơi khác, chưa sử dụng trên mặt đất thì đến năm 2005 bà C chiếm dụng trồng cây trên đất và xây dựng chuồng chăn nuôi gà, làm nhà củi tạm, cây trồng chỉ có 15 cây dừa có cho trái, còn lại 20 cây dừa khác chưa cho trái và các loại cây khác bà C thừa nhận mới trồng từ năm 2008-2011, cho nên bà C nói bà sử dụng đất này từ năm 1980 là không có cơ sở. Mặc khác, năm 1996 khi thỏa thuận trả thành quả lao động cho bà L1 phần đất ở bà C không đề cập đến đất tranh chấp này, cho thấy tại thời điểm đó hộ bà C không có sử dụng phần đất tranh chấp, mà đất là do hộ gia đình bà L1 quản lý và đã tiến hành thủ tục kê khai, đăng ký xác lập quyền làm chủ quyền sử dụng được Nhà nước công nhận theo đúng quy định của pháp luật, được pháp luật bảo vệ theo Điều 100, 166 và 170 Luật đất đai.

[5] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc hộ bị đơn di dời vật kiến trúc và cây trồng trên đất, trả đất cho nguyên đơn (là những người thừa kế của bà L1 và hộ chị T), không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đối với nguyên đơn về yêu cầu hủy giấy đất đã cấp cho phía nguyên đơn là phù hợp.

[6] Tuy vậy, đối với phần cây trồng trên đất, các bên không tranh chấp mà xác định rõ thuộc sở hữu của hộ bà C, tuy là bà C không yêu cầu phía bên hộ gia đình các nguyên đơn trả giá trị cây trồng trong trường hợp phải giao trả đất và quyết định của án sơ thẩm đã buộc hộ bà C phải di dời cây trồng để trả đất, nhưng xét thấy cây trồng trên đất đều là loại cây ăn trái có giá trị, loại cây không di dời được mà phải đốn hạ, bỏ, dẫn đến thiệt hại không chỉ cho hộ gia đình bà C mà còn là thiệt hại chung cho xã hội, trong khi thực tế lúc trồng phía gia đình bà L1 cũng không có hành vi ngăn cản, vậy nên, cần thiết phải

buộc phía hộ nguyên đơn trả giá trị cây trồng cho hộ bà C theo mức giá của Hội đồng định giá đã định ngày 16/12/2014, tổng giá trị là 20.590.000 đồng, giữ nguyên cây trồng giao lại cho hộ các nguyên đơn sở hữu là phù hợp thỏa đáng.

[7] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề cập các tình tiết, nội dung làm căn cứ xác định đất tranh chấp là của hộ gia đình các nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp, được chấp nhận.

[8] Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở Hội đồng xét xử kết luận: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, buộc hộ bị đơn giao trả lại đất cho các hộ nguyên đơn là đúng pháp luật, nên kháng cáo của bà C yêu cầu hủy một phần quyết định cấp giấy đất cho bà L1 và quyết định cấp đất cho chị T, không đồng ý trả đất cho các nguyên đơn là không có cơ sở, không được chấp nhận. Đồng thời, phải sửa một phần bản án sơ thẩm về xử lý cây trồng trên đất theo hướng nhận định trên để đảm bảo quyền và lợi ích thỏa đáng cho các bên.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 100, 166 và Điều 170 của Luật đất đai và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C;

[2] Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 37/2015/DS-ST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh về phần cây trồng trên đất.

[3] Chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H đối với bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hoàng C1 và chị Nguyễn Thị Nhựt P1. Buộc hộ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hoàng C1 và chị Nguyễn Thị Nhựt P1 trả cho chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H diện tích đất 238,2m² thuộc một phần thửa 315, tờ bản đồ số 09, tương ứng bản đồ lưới tọa độ thửa 652, tờ bản đồ số 7 thể hiện ở các mốc C, M", M, D", E, F, H, B và trở về C; Loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại tổ 8, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 18/5/2015 của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh.

[4] Chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của hộ chị Khương Hồng T, Khương Huyền L, Khương Hoàng Trung H và Khương Hoàng Như N đối với bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hoàng C1 và chị Nguyễn Thị Nhựt P1. Buộc hộ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hoàng C1 và chị Nguyễn Thị Nhựt P1 trả cho hộ chị Khương Hồng T diện tích đất 28,9m² thuộc một phần thửa 1064 tờ bản đồ số 9, thể hiện ở các mốc M", D, D" và M. Loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại tổ 8, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 18/5/2015 của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh.

[5] Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 diện tích 238,2m² thuộc một phần thửa 315, tờ bản đồ số 09 và một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ chị Khương Hồng T đối với diện tích 28,9m² thuộc một phần thửa 1064, tờ bản đồ số 9.

[6] Buộc các đồng thừa kế của bà L1 là chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H cùng liên đới nghĩa vụ trả giá trị cây trồng bằng tiền cho hộ bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hoàng C1 và chị Nguyễn Thị Nhựt P1 số tiền là 17.790.000 đồng. Chị T, chị L và chị H cùng được sở hữu chung toàn bộ cây trồng hiện có trên đất gồm: 15 cây dừa có cho trái, còn lại 20 cây dừa khác chưa cho trái, 01 cây chùm ruột, 01 cây me, 01 cây xoài, 01 cây mít, 05 cây chanh và 01 cây hạnh (được ghi trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2014, bút lục số 81 kèm theo).

[7] Buộc bà C, ông D, anh C1 và chị P1 di dời các vật kiến trúc có trên

phần đất tranh chấp để trả đất lại cho các nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C, ông D, anh C1 và chị P1 liên đới chịu 3.205.000 đồng.

Chị Khương Hồng T, chị Khương Huyền L và chị Khương Kim H phải nộp 889.500 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 863.000 đồng theo biên lai số 025359 ngày 21/7/2014 và 200.000 đồng theo biên lai số 033860 ngày 08/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị T, chị L và chị H cùng được nhận lại số tiền là 173.500 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị C không phải nộp và được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 039799 ngày 29/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 450.000 đồng, chị Khương Hồng T tự nguyện chịu (đã thu và chi xong).

Kể từ ngày hộ bà C, ông D, anh C1 và chị P1 có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên, nếu chị T, chị L và chị H chưa thi hành xong thì chị T, chị L và chị H phải trả lãi cho hộ bà C, ông D, anh C1 và chị P1 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Văn Phương